

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2020/DS-PT
Ngày 29-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn, bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2020/TLPT-DS, ngày 26/7/2020,
về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2020/DS-ST, ngày 21 tháng 7 năm 2020,
của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 191/2020/QĐ-PT, ngày
27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông B, bà Đỗ Thị H; trú tại: Thành phố M, tỉnh Đắk Lắk; đều
có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Anh T;

Trú tại: Thành phố M, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Lan H1; trú tại: Thành phố M, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đoàn Quang
H2 – Văn phòng Luật sư T1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: Thôn H3, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hồ Thị Lan H1 và kháng nghị của Viện trưởng
Viện kiểm sát nhân dân thành phố M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người được ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vợ chồng tôi cho bà Hồ Thị Lan H1, vay tiền 02 lần: Lần đầu vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 10/03/2017; lần 02 vay số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 10/05/2017. Mục đích vay để làm ăn, không có thời hạn trả, không có thế chấp tài sản gì, lãi suất 1.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng (Thỏa thuận bằng miệng, trong giấy vay không ghi lãi suất), trong giấy vay không có tên ông B nhưng tôi có cho chồng tôi biết tiền này là tiền chung của 02 vợ chồng. Sau đó, bà H1 có mang 30.000.000 đồng trả cho tôi vào khoảng tháng 08/2019. Còn số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 10/03/2017, bà H1 chưa trả cho vợ chồng tôi. Chữ đã trả đủ là ghi cho giấy vay tiền ngày 10/5/2017, chứ không phải trả cho giấy vay ngày 10/3/2017. Nếu bà H1 đã trả thì phải gạch chéo như giấy vay ngày 10/5/2017 hoặc yêu cầu vợ chồng tôi phải hủy giấy vay chứ không cần thiết phải ghi chữ đã trả đủ.

Vào tháng 8/2017 vợ chồng tôi đã sang đòi bà H1 nhưng bà H1 không trả. Nay vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Hồ Thị Lan H1 phải trả cho vợ chồng tôi số tiền 100.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 10/3/2017, đến nay.

Bị đơn bà Hồ Thị Lan H1 trình bày: Tôi xác định là ngày 10/3/2017 vay bà H số tiền 100.000.000 đồng và ngày 10/5/2017 vay 30.000.000 đồng.

Mục đích vay là giúp bà H cho người khác vay để kiếm lời, khi vay không thể chấp tài sản gì, khi vay có tính lãi suất là 3.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng chứ không phải như trình bày của bà H là 1.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng. Đối với số tiền 30.000.000 đồng tôi đã trả cho bà H vào khoảng tháng 01/2019 và số tiền 100.000.000 đồng tôi xác định đã trả đủ cho bà H vào tháng 08/2019 trả xong tôi gạch chéo và đã ghi chữ “đã trả đủ” nên tôi không có trách nhiệm trả số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi cho bà H nữa. Tôi đề nghị Tòa án làm rõ tôi trả số tiền 30.000.000 đồng là thời điểm tháng 01/2019 (tôi gạch chéo trong giấy vay tiền ngày 10/5/2017) còn tôi trả số tiền 100.000.000 đồng là khoảng tháng 08/2019 tôi ghi đã trả đủ phần dưới trong giấy vay tiền ngày 10/3/2017 nhưng không gạch chéo trong giấy vay tiền, tôi trả tiền vào hai thời điểm khác nhau nên đề nghị Tòa án rõ việc tôi đã trả tiền 100.000.000 đồng cho bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 53/2020/DS-ST, ngày 21 tháng 7 năm 2020, của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và ông B.

Buộc bà Hồ Thị Lan H1 phải trả cho bà Đỗ Thị H và ông B số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và 33.361.000 đồng tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là: 133.361.000 đồng (Theo giấy vay tiền ngày 10/03/2017).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

Sau khi xét xử sơ thẩm (Ngày 28/7/2020), bị đơn bà Hồ Thị Lan H1 kháng cáo cho rằng, số tiền 100.000.000đ bà có vay nhưng đã trả xong, việc nguyên đơn khởi kiện là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 07/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố M kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bà H1 có vay tiền của bà H hai lần. Lần đầu vay 100.000.000đ, lần hai vay 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H1 đã trả đủ cho bà H cả gốc và lãi, đến nay hai bên không còn nợ nần gì nữa. Việc trả tiền của bà H1 thể hiện rõ, khi trả 30.000.000 đồng bà H1 đã gạch phần vay này và khi trả 100.000.000 đồng thì đã ghi “đã trả đủ”. Việc bà H1 ghi chữ “đã trả đủ” có nghĩa là đã trả xong toàn bộ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H1, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo

của bị đơn. Rút phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố M. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2020/DS-ST, ngày 21 tháng 7 năm 2020, của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk rút quyết định kháng nghị số 08/QĐKNPT-DS, ngày 03/8/2020, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Đắk Lắk. Việc rút kháng nghị là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 5 Điều 308; khoản 1 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Vào ngày 10/03/2017, bà Đỗ Thị H cho bà H1 vay số tiền 100.000.000 đồng; đến ngày 10/05/2017, cho vay số tiền 30.000.000 đồng. Bị đơn bà Hồ Thị Lan H1 đều thừa nhận có ký vay tiền trên. Mục đích vay tiền để cho người khác vay lại, khi vay tiền không có thế chấp tài sản gì, có tính lãi suất và không có thời hạn trả. Như vậy, việc vay tiền giữa các bên là có trên thực tế. Tuy nhiên, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả khoản vay 30.000.000đ, số tiền còn lại 100.000.000 đồng là tiền của vợ chồng ông B và bà Đỗ Thị H nên nguyên đơn có quyền khởi kiện bà H1 là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy: Trong giấy vay, tại phần khoản vay ngày 10/5/2017, bà H1 đã gạch chéo và có ghi phía trên “đã trả đủ”. Đối với phần khoản vay ngày 10/3/2017 không có gạch chéo. Bị đơn cho rằng, đối với số tiền 30.000.000 đồng đã trả cho bà H vào khoảng tháng 01/2019, khi trả xong đã gạch chéo phần này. Còn số tiền 100.000.000 đồng đã trả đủ cho bà H vào tháng 08/2019, trả xong bà gạch chéo và đã ghi chữ “đã trả đủ” nên bà không có trách nhiệm trả số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi cho bà H là không có cơ sở. Bởi lẽ, đối với khoản vay số tiền 100.000.000 đồng bị đơn không chứng minh được đã trả tiền 100.000.000 đồng và lãi suất cho nguyên đơn vào thời điểm nào và tại sao khi trả tiền không gạch chéo như giấy vay ngày 10/5/2017. Mặt khác, phía dưới khoản vay 100.000.000đ, còn có một khoản trống nhưng tại sao bị đơn không ghi mà lại ghi trùng với phần đã gạch chéo của khoản vay 30.000.000đ và khi trả xong tại sao không yêu cầu hủy giấy vay tiền ngày 10/3/2017, để làm căn cứ đã trả. Như vậy,

việc bản án sơ thẩm xác định bà Hồ Thị Lan H1 chưa trả số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 10/03/2017, cho bà Đỗ Thị H, ông B và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 308; khoản 1 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đình chỉ phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố M - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2020/DS-ST, ngày 21 tháng 7 năm 2020, của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Hồ Thị Lan H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 308; khoản 1 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị Lan H1; đình chỉ quyết định kháng nghị số 08/QĐKNPT-DS, ngày 03/8/2020, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Đắk Lắk - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2020/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020, của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H và ông B. Buộc bà Hồ Thị Lan H1 phải trả cho bà Đỗ Thị H và ông B số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và 33.361.000 đồng tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là: 133.361.000 đồng (Theo giấy vay tiền ngày 10/03/2017).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị Lan H1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H1 đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012616, ngày 30/7/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp M;
- VKSND Tp M;
- CCTHADS Tp M;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Duy Thuận